TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đạt Thông

2. Ông Dương Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trần Mai Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Đ, Tòa án nhân khu vực 14 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 315/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 27/11/2002.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh H, sinh ngày 20/12/2001.

Địa chỉ: Ấp E, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc N trình bày: Vào năm 2024, chị với anh Phạm Minh H hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại khóm E, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp E, xã L, tỉnh Vĩnh Long). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2025 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên chửi bới, đánh đập bạo hành chị. Anh H là người nghiện ma tuý và có đi cai nghiện về, nhưng lâu lâu vẫn sử dụng, lúc lên cơn nghiện thì anh H càng bạo hành chị không thương tiếc. Đến khoảng tháng 03 năm 2025 chị bỏ đi làm ở Đồng Nai, sau đó anh H có lên sống chung nhưng vẫn đánh đập, bạo hành chị, không cho chị gửi tiền về cho gia đình. Chị không còn liên lạc, sống chung với anh H khoảng ba tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh H. Về con chung không có, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thi Ngọc N1 và anh Phạm Minh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị N1 được ly hôn anh H. Về con chung chị N1 và anh H không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung do chị N1 không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Minh H có nơi cư trú tại ấp E, xã L, tỉnh Vĩnh Long nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc N có nội dung yêu cầu ly hôn là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Minh H đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống không hạnh phúc và hiện đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân chị N và anh H cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thi Ngọc N1 về việc xin ly hôn anh Phạm Minh H.

[5] Về con chung: Chị Trương Thi Ngọc N1 và anh Phạm Minh H không có con chung nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thi Ngọc N1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trương Thi Ngọc N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thi Ngọc N1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thi Ngọc N1 được ly hôn anh Phạm Minh H.

Về con chung: Chị Trương Thi Ngọc N1 và anh Phạm Minh H không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Trương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011984 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 14 – Vĩnh Long;
- UBND xã Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đạt Thông **Dương Thanh Hùng** **Nguyễn Văn Thảo**